

V/v mời chào giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu dự kiến: “Mua hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động, model: Humaclo Pro năm 2025-2026”, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Xuân Nam, nhân viên Phòng Vật tư thiết bị Y tế, Số dt: 0397462741.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: **Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy** (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

- Nhận qua đường bưu điện gửi về địa chỉ: **Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy** (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

- Nhận qua email: **cailay.bvdkkv@tiengiang.gov.vn**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ **08h00** ngày **18** tháng **06** năm **2025** đến trước **17h00** ngày **27** tháng **06** năm **2025**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90** ngày, kể từ ngày báo giá được ký và nằm trong khoảng thời gian tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, hóa chất, như sau:

(Danh mục hàng hóa đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Kho vật tư Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: tỷ lệ tạm ứng: không áp dụng, thanh toán hợp đồng: thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu như sau: Hóa đơn giá trị gia tăng; Biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hoá; Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

5. Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, VTTBYT.

Q. GIÁM ĐỐC

DANH MỤC HÀNG HÓA

(kèm theo công văn số: 1406/BVĐKCL-VTTBYT ngày 17 tháng 06 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
1	Hóa chất xét nghiệm các yếu tố đông máu đường ngoại sinh (PT)	Thành phần hoá chất chính (tương đương hoặc tốt hơn) gồm có 02 phần: RGT: - Thromboplastin reagent: + Rabbit brain extract + Sodium azide BUF: + CaCl₂ + Sodium azide Hệ số biến thiên sử dụng trong ngày: - Nồng độ bình thường không vượt: 0.86% - Nồng độ bất thường không vượt: 1.77%. Hệ số biến thiên sử dụng liên tục các ngày khác nhau: - Nồng độ bình thường không vượt: 1.73% - Nồng độ bất thường không vượt: 3.05% Độ ổn định: Sau khi mở nắp, hoá chất ổn định ≥ 12 ngày ở 2-8 độ C.	mL
2	Hóa chất xét nghiệm các yếu tố đông máu đường nội sinh (hóa chất xét nghiệm aPTT)	Thành phần hoá chất chính (tương đương hoặc tốt hơn) gồm: RGT 1: - aPTT-EL reagent: + Rabbit brain cephelein + Ellagic acid + Sodium azide Hệ số biến thiên sử dụng trong ngày: - Nồng độ bình thường không vượt: 0.40%, - Nồng độ bất thường không vượt: 0.32%. Hệ số biến thiên sử dụng liên tục các ngày khác nhau: - Nồng độ bình thường không vượt: 1.08% - Nồng độ bất thường không vượt: 1.34% Độ ổn định: Sau khi mở, hoá chất ổn định ≥ 14 ngày ở 2-8 độ C.	mL
3	Hóa chất xét nghiệm các yếu tố đông máu đường nội sinh (hóa chất aPTT-EL CaCl ₂ kích hoạt phản ứng trong xét nghiệm aPTT)	Thành phần hoá chất chính (tương đương hoặc tốt hơn) gồm: RGT 2: - CaCl₂: ~ 0.02 mol/L + Sodium azide + Salts and stabilisers Hệ số biến thiên sử dụng trong ngày : - Nồng độ bình thường không vượt: 0.40% - Nồng độ bất thường không vượt: 0.32%. Hệ số biến thiên sử dụng liên tục các ngày khác nhau: - Nồng độ bình thường không vượt: 1.08% - Nồng độ bất thường không vượt: 1.34% Độ ổn định: Sau khi mở, hoá chất ổn định ≥ 12 ngày ở 2-8 độ C.	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
4	Hóa chất nội kiểm nồng độ bình thường	Hoá chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường sử dụng được trên máy xét nghiệm đông máu tại bệnh viện.	mL
5	Hóa chất nội kiểm nồng độ bất thường	Hoá chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường sử dụng được trên máy xét nghiệm đông máu tại bệnh viện.	mL
6	Hoá chất xét nghiệm Fibrinogen để đánh giá chức năng đông máu	Thành phần hoá chất chính (tương đương hoặc tốt hơn) gồm có 03 phần: RGT: - Fibrinogen reagent: + Human thrombin: từ 80-100 IU/mL + Sodium azide BUF: - Imidazole Buffered Saline: pH 7.4 (± 0.2) + Imidazole: $\sim 0.05\text{mol/l}$ + Buffers and stabilisers CAL: - Fibrinogen reference plasma: + Human plasma + Sodium azide Hệ số biến thiên sử dụng trong ngày: - Nồng độ bình thường không vượt: 2.2% - Nồng độ bất thường không vượt: 1.3% Hệ số biến thiên sử dụng liên tục các ngày khác nhau: - Nồng độ bình thường không vượt: 3.0% - Nồng độ bất thường không vượt: 3.8% Độ ổn định: Sau khi mở, hoá chất ổn định ≥ 7 ngày ở 2-8 độ C.	mL
7	Hóa chất calib xây dựng đường chuẩn trong xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. -Dạng đông khô Thành phần (tương đương hoặc tốt hơn): - Pooled human plasma - Sodium azide	mL
8	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu tự động, model: HumaClot Pro. - Thành phần (tương đương hoặc tốt hơn): Aqueous Solution	mL
9	IDV rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu (thường quy)	Dung dịch dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy phân tích đông máu tự động, model: HumaClot Pro. Thành phần (tương đương hoặc tốt hơn): - Buffered Salt Solution - Imidazole: $\sim 0.1\text{mol/L}$	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
		- HCl: ~ 0.1mol/L - Detergent: ~ 0.02%	
Tổng cộng: 09 khoản			

MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Thông số kỹ thuật	Hãng SX/Nước SX	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (có VAT)
1												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày, kể từ ngày ký báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))